TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **121**/2025/HS-ST
Ngày: 15/4/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Trần Thị Tố Loan.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lò Văn Sung.**

Ông **Quàng Văn Minh.**

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Vân Anh** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông **Trần Hồng Dương** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 121/2025/TLST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2025 đối với Bị cáo:

1. Họ và tên: **Và A C**, sinh năm: 1990, tại Điện Biên; Nơi cư trú: Bản C, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Và Nhìa S; sinh năm 1956; Con bà: Sùng Thị H; sinh năm: 1960. Bị cáo có vợ là: Giàng Thị Ư; sinh năm 1995. Bị cáo có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Bị cáo chưa bị xử lý hành chính, chưa bị Toà án xét xử.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/12/2024, sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử *(có mặt tại phiên tòa)*.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Sùng Thị X; sinh năm 1980; Địa chỉ: Bản C, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên *(vắng mặt tại phiên tòa)*.

3. Người làm chứng: Chị Huỳnh Yến N; sinh năm 2000; Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau *(vắng mặt tại phiên tòa)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 7/2024, Và A C quen biết người đàn ông tên M, quốc tịch Lào qua mạng xã hội Facebook để nói chuyện. Trong quá trình nói chuyện, M đã nhiều lần đặt vấn đề thuê Bị cáo đưa người qua biên giới Việt Nam - Lào nhưng Bị cáo không đồng ý. Đến khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 24/12/2024 M lại tiếp tục liên lạc với Bị cáo qua ứng dụng Messenger để đặt vấn đề thuê Bị cáo tổ chức cho 01 người nhập cảnh trái phép từ Lào vào Việt Nam với tiền công là 500.000 đồng, địa điểm đón người tại khe suối khu vực cọc dấu 111/2 trên biên giới Việt Nam - Lào, Bị cáo đồng ý. Sau đó, Bị cáo đến nhà anh trai tên là Và A S1, trú tại bản Con Cang, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên để mượn chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius, màu đen, đỏ, biển kiểm soát 27B1- 220.77 của vợ anh trai Bị cáo tên là Sùng Thị X, sinh năm 1980, khi mượn xe Bị cáo nói là mượn xe máy đi xem bò. Đến khoảng 08 giờ 30 phút, cùng ngày Bị cáo đi xe máy vừa mượn được đi từ bản Con Cang, xã N đến bản C, xã N, sau đó Bị cáo đi theo đường mòn đến đường tuần tra biên giới Việt Nam - Lào rồi để xe máy ở cạnh đường và tiếp tục đi bộ đến địa điểm khu vực khe suối dưới ruộng gần cọc dấu 111/2 trên biên giới Việt Nam - Lào thuộc khu vực bản C, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Việt Nam) và bản P, huyện M, tỉnh Phông-S-L (Lào). Khi đến nơi, Bị cáo gặp một người đàn ông khoảng 20 tuổi nói tiếng dân tộc Mông và một người phụ nữ. Bị cáo có hỏi tiền công thì người đàn ông đó nói không mang theo tiền, Bị cáo cứ đưa người phụ nữ nhập cảnh trái phép đến bến xe tỉnh Điện Biên rồi quay lại chỗ giao nhận người để nhận tiền công 500.000 đồng. Sau đó, Bị cáo dẫn người phụ nữ đó đi bộ đến chỗ để xe máy, rồi chở người phụ nữ nhập cảnh trái phép đi đến một bãi nương trồng sắn thuộc khu vực bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên thì bị tổ công tác của Đồn Biên phòng Cửa khẩu quốc tế T phối hợp với Phòng phòng chống ma túy và tội phạm Bộ chỉ huy Bộ Đội Biên phòng tỉnh Đ và Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh Đ, yêu cầu dừng lại để kiểm tra hành chính. Qua kiểm tra thì không có giấy tờ xuất, nhập cảnh theo quy định. Người đàn ông khai tên là Và A C, sinh năm 1990, trú tại bản C, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, người nữ giới ngồi đằng sau người đàn ông là Huỳnh Yến N, sinh năm 2000, nơi ở hiện tại Ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau. Bị cáo đã thừa nhận vừa đón người phụ nữ này từ biên giới Việt Nam - Lào chở ra bến xe tỉnh Đ để lấy tiền công 500.000 đồng. Nhận thấy vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật, tổ công tác đã đưa Bị cáo và Huỳnh Yến N cùng vật chứng về đồn Biên phòng Cửa khẩu quốc tế T và mời người chứng kiến và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Bị cáo và đồng thời tạm giữ đồ vật, tài liệu liên quan.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập được, ngày 24/12/2024, Đồn Biên phòng Cửa khẩu quốc tế T thuộc Bộ chỉ huy Bộ Đội đội Biên phòng tỉnh Đ đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số: 05 ngày 24/12/2024 đối với vụ án "Tổ chức

cho người khác nhập cảnh trái phép" đối với bị cáo Và A C. Ngày 26/12/2024 Đồn Biên phòng Cửa khẩu quốc tế T chuyển hồ sơ, vật chứng đến Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Đ để điều tra theo thẩm quyền.

Những vật chứng thu giữ của Bị cáo gồm:

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS màu đỏ đen, biển kiểm soát 27B1- 220.77; Số khung: RLCS5C6H0EY071758; Số máy: 5C6H071773 xe đã qua sử dụng.

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 000154 mang tên Mùa Thị S2 do Phòng CSGT Công an tỉnh Đ cấp ngày 26/8/2014.

- 01 chiếc điện thoại loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu xanh đã qua sử dụng. Bên trong có 01 thẻ sim điện thoại số thuê bao: 0944341709

Tại bản Cáo trạng số: 26/CT-VKSĐB-P1 ngày 24/3/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Và A C về tội: "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép" theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Ngày 24/3/2025, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên ra Quyết định số: 02/QĐ-VKSĐB-P1 phân công Viện Kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt Bị cáo: Từ 01 năm đến 01 năm 04 tháng tù về tội: "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép"

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà Nước: 01 chiếc điện thoại loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu xanh. Điện thoại có 02 khe sim, không có thẻ nhớ, số IMEI1: 862627051096359; IMEI2: 862627051096342, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 thẻ sim điện thoại: 0944341709.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136/BLTTHS; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố.

Lời nói sau cùng của Bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo để Bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của Bị cáo:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Và A C khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai; biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, người chứng kiến...phù hợp với vật chứng đã thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như Cáo trạng VKSND tỉnh Điện Biên đã truy tố đối với Bị cáo, có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 24/12/2024, tại khu vực bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Tổ công tác Đồn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế T phối hợp với Phòng phòng chống ma túy và tội phạm Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh Đ, Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Đ phát hiện, bắt quả tang bị cáo Và A C đang tổ chức cho Huỳnh Yến N nhập cảnh trái phép từ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào về Việt Nam. Bị cáo đã có hành vi bố trí, đón đưa 01 người từ Nước ngoài về Việt Nam mà không được sự cho phép, chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, với mục đích vụ lợi. Vì vậy có đủ cơ sở để kết luận Bị cáo đã phạm tội: "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép" theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào vì vụ lợi mà tổ chức hoặc môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.".

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố Bị cáo về tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép" theo Điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không bị oan sai.

[2] Về tính chất của vụ án: Hành vi mà Bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý xuất, nhập cảnh của Nhà nước và gây mất ổn định xã hội tại địa phương nhất là khu vực biên giới. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lợi nên

vẫn cố ý thực hiện. Chính vì vậy Bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với Bị cáo để giáo dục Bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Bị cáo:

- Về nhân thân: Bị cáo sinh ra tại Điện Biên, được gia đình nuôi ăn học đến lớp 9/12 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình. Đến năm 2013 Bị cáo kết hôn với chị Giàng Thị Ư; sinh năm 1995 và Bị cáo có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2020. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Nhân thân: Bị cáo chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị Tòa án nào xét xử.

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Việc đề nghị áp dụng hình phạt của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ nên HĐXX cần chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 348/BLHS, ngoài hình phạt chính "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*". Xong xét thấy bản thân Bị cáo thu nhập chính từ làm ruộng ngoài ra không có nguồn thu nào khác nên không có khả năng thi hành. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a,c khoản 2; khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Vật chứng cần được xử lý như sau.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà Nước: 01 chiếc điện thoại loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu xanh. Điện thoại có 02 khe sim, không có thẻ nhớ, số IMEI1: 862627051096359; IMEI2: 862627051096342, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 thẻ sim điện thoại của nhà M: 0944341709.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS màu đỏ đen, biển kiểm soát 27B1- 220.77 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Mùa Thị S2. Ngày 12/3/2025 của Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Đ đã trả cho chủ

sở hữu hợp pháp là chị Sùng Thị X theo Quyết định xử lý vật chứng số: 29/QĐ-ANĐT. Xét thấy việc trả lại tài sản là có căn cứ, do vậy HĐXX cần chấp nhận.

[6] Các vấn đề khác:

- Đối với người đàn ông tên H1; người đàn ông tên M; người đàn ông quốc tịch Lào nhận tiền của chị Huỳnh Yến N để tìm người đưa Huỳnh Yến N nhập cảnh trái phép; 02 người đàn ông chở Huỳnh Yến N đến biên giới Việt Nam - Lào để nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Do Bị cáo và Huỳnh Yến N không biết tên tuổi, địa chỉ nên Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Đ không đủ căn cứ để xác minh, xử lý theo quy định. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với người đàn ông quốc tịch Lào tên M đã liên hệ để Bị cáo đón Huỳnh Yến N. Quá trình điều tra Bị cáo không biết nhân thân, lai lịch của người đàn ông tên M đó và Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Đ đã áp dụng các biện pháp điều tra, xác minh nhưng không làm rõ được nhân thân, lai lịch của người này. Do đó, Cơ quan ANĐT không có đủ cơ sở, tài liệu làm căn cứ để điều tra xác minh làm rõ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập xử lý trong vụ án này.

- Đối với chị Sùng Thị X: Quá trình điều tra đã xác định, chị Sùng Thị X không biết việc Bị cáo mượn xe mô tô của chị là để đón, chở người nhập cảnh trái phép từ Lào vào Việt Nam. Do đó, Cơ quan ANĐT không đề cập đến việc xử lý chị Sùng Thị X, vì vậy HĐXX không xem xét.

- Đối với chị Huỳnh Yến N đã có hành vi vi phạm hành chính: Qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục nhập cảnh theo quy định của pháp luật. Đã vi phạm vào Điểm a, khoản 3, Điều 18, Nghị định số: 144/2021/NĐ- CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình. Ngày 27/12/2024 Đồn Biên phòng Cửa khẩu quốc tế T, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Đ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 05/QĐ- XPHC ngày 27/12/2024 bằng hình thức: Phạt tiền là: 4.000.000 đồng. Xét thấy việc ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trên của chị Huỳnh Yến N của Đồn Biên phòng Cửa khẩu quốc tế T, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Đ là có căn cứ. Do vậy HĐXX cần chấp nhận.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

[7.1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Cơ quan truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[7.2] Về sự vắng mặt của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng. Xét thấy Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong quá trình điều tra Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136/BLTTHS; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Và A C phạm tội: *"Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép"*

Xử phạt Bị cáo: **01 (một)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (24/12/2024).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Bị cáo.

3. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a,c khoản 2; khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- *Tịch thu sung ngân sách Nhà Nước:* 01 chiếc điện thoại loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu xanh. Điện thoại có 02 khe sim, không có thẻ nhớ, số IMEI1: 862627051096359; IMEI2: 862627051096342, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

- *Tịch thu tiêu huỷ:* 01 thẻ sim điện thoại của nhà M: 0944341709.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/3/2025 giữa Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên,tỉnh Điện Biên).

Chấp nhận việc trả lại tài sản của Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Đ cho chủ sở hữu là chị Sùng Thị X theo Quyết định xử lý vật chứng số: 29/QĐ- ANĐT ngày 12/3/2025.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/4/2025).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- NCQLNVLQ;
- Trại TGCA tỉnh ĐB;
- VKSND HĐB;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Toà án ND tỉnh ĐB;
- Công an tỉnh ĐB (PA09; PV06);
- Chi cục THADS HĐB;
- Lưu hồ sơ VA;
- Sở tư pháp;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tố Loan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tố Loan